

công trình công cộng, kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho cộng đồng dân cư.

Sau khi thanh toán hết các khoản nợ của Quỹ Tín dụng nhân dân và chi phí giải thể, Quỹ Tín dụng nhân dân được chia cho thành viên tiền vốn, quỹ và các tài sản còn lại.

**Điều 39.- Phá sản Quỹ Tín dụng nhân dân:**

Quỹ Tín dụng nhân dân sau khi đã dùng mọi biện pháp tự trang trải bằng nguồn vốn của chính mình, biện pháp hỗ trợ của hệ thống Quỹ Tín dụng nhân dân nhưng vẫn không đảm bảo khả năng thanh toán cho người gửi tiền và các tổ chức, cá nhân cho vay vốn thì bị coi là lâm vào tình trạng phá sản. Việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản của Quỹ Tín dụng nhân dân được thực hiện theo pháp luật về phá sản doanh nghiệp và các quy định về phá sản ngân hàng, các tổ chức tín dụng.

**Chương VII**

**KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

**Điều 40.- Khen thưởng:**

Các tổ chức, cá nhân và thành viên Quỹ Tín dụng nhân dân có nhiều thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, phát triển Quỹ Tín dụng nhân dân, có nhiều đóng góp mang lại hiệu quả trong kinh doanh được Quỹ Tín dụng nhân dân khen thưởng.

**Điều 41.- Kỷ luật:**

1. Người nào vi phạm Điều lệ và Nội quy hoạt động của Quỹ Tín dụng nhân dân tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Quỹ Tín dụng nhân dân hoặc bị xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

2. Tổ chức, cá nhân nào lợi dụng danh nghĩa Quỹ Tín dụng nhân dân để hoạt động vì mục đích mưu lợi cá nhân tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý theo pháp luật.

**Chương VIII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 42.- Hiệu lực thi hành:**

1. Căn cứ vào Điều lệ mẫu Quỹ Tín dụng nhân dân, các Quỹ Tín dụng nhân dân xây dựng Điều lệ cụ thể của quỹ mình và Điều lệ Quỹ Tín dụng nhân dân phải được Đại hội thành viên thông qua.

2. Điều lệ Quỹ Tín dụng nhân dân có hiệu lực kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước và cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chấp thuận.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ do Đại hội thành viên quyết định và được Ngân hàng Nhà nước và cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chấp thuận.

4. Điều lệ của Quỹ Tín dụng nhân dân được lập thành 3 bản chính và lưu giữ tại:

- Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố.
- Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh.
- Quỹ Tín dụng nhân dân.

T.M. Chính phủ  
K.T. Thủ tướng  
Phó Thủ tướng  
PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 43-CP  
ngày 29-4-1997 ban hành Điều lệ  
mẫu Hợp tác xã Nông nghiệp.**

**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 3 năm 1996;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

09650680



**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.-** Ban hành kèm theo Nghị định này bản Điều lệ mẫu Hợp tác xã Nông nghiệp.

**Điều 2.-** Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Điều lệ mẫu này.

**Điều 3.-** Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình tổ chức thực hiện Nghị định này.

**Điều 4. -** Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

T.M. Chính phủ  
K.T. Thủ tướng  
Phó Thủ tướng  
**PHAN VĂN KHẢI**

## **ĐIỀU LỆ mẫu Hợp tác xã Nông nghiệp**

(ban hành kèm theo Nghị định số 43-CP ngày 29-4-1997 của Chính phủ).

### *Chương I*

## **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.-** Định nghĩa Hợp tác xã Nông nghiệp:

Hợp tác xã Nông nghiệp là tổ chức kinh tế tự chủ, do nông dân và những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho kinh tế hộ gia đình của các xã viên và kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và kinh doanh các

ngành nghề khác ở nông thôn, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

**Điều 2.-** Phạm vi áp dụng của Điều lệ mẫu:

1. Điều lệ mẫu này áp dụng đối với các Hợp tác xã Nông nghiệp ở nông thôn;

2. Hợp tác xã Nông nghiệp có tư cách pháp nhân; được mở tài khoản tại ngân hàng; tối thiểu phải có 7 xã viên trở lên; có vốn tài sản do các xã viên đóng góp và vốn tự tích lũy của Hợp tác xã; chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ khác bằng toàn bộ số vốn và tài sản thuộc sở hữu của Hợp tác xã; có con dấu riêng; có Điều lệ Tổ chức và hoạt động;

3. Các tổ hợp tác nông nghiệp với hình thức, tên gọi khác nhau, không thuộc phạm vi áp dụng của Điều lệ mẫu này.

**Điều 3.-** Hợp tác xã Nông nghiệp tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc sau đây:

1. Tự nguyện gia nhập và ra Hợp tác xã: Tất cả nông dân và những người lao động có đủ điều kiện theo quy định của Luật Hợp tác xã, tán thành Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp, đều có thể trở thành xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp; xã viên có quyền ra Hợp tác xã theo quy định của Điều lệ từng Hợp tác xã Nông nghiệp;

2. Quản lý dân chủ và bình đẳng: Xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp có quyền tham gia quản lý, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Hợp tác xã và có quyền ngang nhau trong biểu quyết;

3. Tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi: Hợp tác xã Nông nghiệp tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh; tự quyết định về phân phối thu nhập, bảo đảm Hợp tác xã và xã viên cùng có lợi;

4. Việc chia lãi phải bảo đảm kết hợp lợi ích của xã viên và sự phát triển của Hợp tác xã: Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nộp thuế, lãi được trích một phần để đưa vào các quỹ của Hợp tác xã, phần còn lại chia cho xã viên theo vốn góp, công sức đóng góp, theo mức độ sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã và do Đại hội xã viên quyết định;

5. Hợp tác và phát triển cộng đồng: Xã viên phải phát huy và nâng cao ý thức hợp tác trong Hợp tác xã và trong cộng đồng xã hội; hợp tác



giữa các Hợp tác xã trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.-** Hợp tác xã Nông nghiệp có các quyền sau đây:

1. Lựa chọn hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản và các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác theo nhu cầu, lợi ích của xã viên và khả năng của từng Hợp tác xã Nông nghiệp;

2. Quyết định hình thức và cơ cấu tổ chức dịch vụ, sản xuất, kinh doanh của Hợp tác xã Nông nghiệp;

3. Xuất khẩu, nhập khẩu, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân ở trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

4. Thuê lao động trong trường hợp xã viên không đáp ứng được yêu cầu dịch vụ, sản xuất, kinh doanh của Hợp tác xã Nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

5. Quyết định kết nạp xã viên mới, giải quyết việc xã viên ra Hợp tác xã, khai trừ xã viên theo Điều lệ của từng Hợp tác xã Nông nghiệp;

6. Quyết định việc phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ của Hợp tác xã Nông nghiệp;

7. Quyết định khen thưởng những cá nhân có nhiều thành tích xây dựng và phát triển Hợp tác xã Nông nghiệp; thi hành kỷ luật những xã viên vi phạm Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp; buộc xã viên bồi thường các thiệt hại đã gây ra cho Hợp tác xã Nông nghiệp;

8. Vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, huy động vốn của xã viên, và được bảo lãnh cho xã viên vay vốn tại các tổ chức tín dụng;

9. Được tham gia góp vốn để trở thành thành viên của quỹ tín dụng nhân dân và được vay vốn tại tổ chức này;

10. Được bảo hộ bí quyết công nghệ theo quy định của pháp luật;

11. Từ chối yêu cầu của các tổ chức, cá nhân trái với quy định của pháp luật;

12. Được mở chi nhánh, văn phòng đại diện của Hợp tác xã Nông nghiệp ở ngoài huyện, tỉnh theo quy định của pháp luật;

13. Được quyền tham gia Liên hiệp Hợp tác xã, Liên minh Hợp tác xã;

Hợp tác xã Nông nghiệp còn có các quyền khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.-** Hợp tác xã Nông nghiệp có các nghĩa vụ sau đây:

1. Hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh đúng ngành nghề, mặt hàng đã đăng ký;

2. Thực hiện đúng chế độ kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán của Nhà nước, chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật;

3. Nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

4. Bảo toàn và phát triển vốn của Hợp tác xã Nông nghiệp, quản lý và sử dụng đất được Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;

5. Chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ khác bằng toàn bộ vốn và tài sản thuộc sở hữu của Hợp tác xã Nông nghiệp;

6. Bảo vệ môi trường, sinh thái, cảnh quan, di tích lịch sử và các công trình quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật;

7. Bảo đảm các quyền của xã viên và thực hiện các cam kết kinh tế đối với xã viên;

8. Thực hiện các nghĩa vụ đối với xã viên trực tiếp lao động cho Hợp tác xã Nông nghiệp và người lao động do Hợp tác xã thuê, khuyến khích và tạo điều kiện để những người lao động trở thành xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp;

9. Đóng bảo hiểm xã hội cho xã viên theo quy định của pháp luật;

10. Chăm lo giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, cung cấp thông tin để mọi xã viên tích cực tham gia xây dựng Hợp tác xã Nông nghiệp.

**Điều 6.-** Thành lập và đăng ký kinh doanh của Hợp tác xã Nông nghiệp:

1. Khi thành lập Hợp tác xã Nông nghiệp phải làm đầy đủ thủ tục theo quy định tại Điều 12, 13, 14, 15 của Luật Hợp tác xã.

2. Hồ sơ đăng ký kinh doanh gồm:



a) Đơn đăng ký kinh doanh, kèm theo biên bản đã thông qua tại hội nghị thành lập Hợp tác xã Nông nghiệp;

b) Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp;

c) Danh sách Ban Quản trị gồm: Chủ nhiệm và các thành viên khác, Ban Kiểm soát;

d) Danh sách xã viên, địa chỉ, nghề nghiệp của họ và tối thiểu phải có 7 xã viên trở lên;

đ) Danh sách góp vốn điều lệ, có chữ ký của từng xã viên;

e) Phương án dịch vụ, sản xuất, kinh doanh;

g) Địa chỉ trụ sở chính của Hợp tác xã Nông nghiệp.

3. Hợp tác xã Nông nghiệp muốn kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật quy định phải có giấy phép hành nghề, thì Hợp tác xã Nông nghiệp phải có giấy phép hành nghề gửi kèm theo hồ sơ xin đăng ký kinh doanh.

4. Hợp tác xã Nông nghiệp có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**Điều 7.- Hợp nhất và chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp:**

1. Đại hội xã viên quyết định việc hợp nhất với các Hợp tác xã Nông nghiệp thành một Hợp tác xã Nông nghiệp hoặc chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp thành hai hay nhiều Hợp tác xã Nông nghiệp.

2. Khi hợp nhất hoặc chia tách, Ban Quản trị các Hợp tác xã Nông nghiệp phải:

a) Đề nghị Ủy ban Nhân dân cấp thẩm quyền thành lập Hội đồng để giải quyết việc hợp nhất, chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp, Hội đồng này gồm Chủ nhiệm các Hợp tác xã Nông nghiệp hợp nhất hoặc Chủ nhiệm Hợp tác xã Nông nghiệp chia tách. Hội đồng có nhiệm vụ bàn bạc hiệp thương để thống nhất giải quyết các vấn đề liên quan đến việc hợp nhất hoặc chia tách, thực hiện các nhiệm vụ của Ban trụ bị Hợp tác xã Nông nghiệp mới;

b) Xây dựng phương án xử lý tài sản, vốn, quỹ, tổ chức và nhân sự khi hợp nhất hoặc chia tách để đại hội xã viên quyết định; xây dựng phương hướng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; dự thảo

Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp mới để Đại hội xã viên quyết định;

c) Triệu tập Đại hội xã viên để quyết định phương án xử lý tài sản, vốn, quỹ, tổ chức, nhân sự khi hợp nhất hoặc chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp;

d) Thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với Hợp tác xã Nông nghiệp về quyết định hợp nhất hoặc chia tách và giải quyết các vấn đề kinh tế có liên quan đến họ;

đ) Gửi hồ sơ xin hợp nhất hoặc chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp đến Ủy ban Nhân dân cấp huyện gồm:

- Đơn xin hợp nhất hoặc chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp;

- Nghị quyết Đại hội xã viên về hợp nhất hoặc chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp;

- Phương án giải quyết các vấn đề liên quan đến hợp nhất hoặc chia tách Hợp tác xã Nông nghiệp đã được thảo luận với các chủ nợ, các tổ chức, cá nhân có liên quan về kinh tế với các Hợp tác xã Nông nghiệp;

- Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp hợp nhất hoặc Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp mới chia tách.

**Điều 8.- Tham gia Liên hiệp Hợp tác xã, Liên minh Hợp tác xã:**

Hợp tác xã Nông nghiệp tự nguyện tham gia ra khỏi Liên hiệp Hợp tác xã, Liên minh Hợp tác xã và do Đại hội xã viên quyết định khi có quá 1/2 số đại biểu có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

**Điều 9.- Giải thể Hợp tác xã Nông nghiệp:**

1. Giải thể tự nguyện: Trường hợp giải thể tự nguyện theo nghị quyết Đại hội xã viên, Hợp tác xã Nông nghiệp phải gửi đơn xin giải thể và nghị quyết của Đại hội xã viên đến Ủy ban Nhân dân cấp huyện, đồng thời đăng báo địa phương nơi Hợp tác xã Nông nghiệp hoạt động trong ba số báo liên tiếp về việc xin giải thể và thông báo cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế về thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng;



Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn thanh toán nợ và thanh lý các hợp đồng, Ủy ban Nhân dân phải ra thông báo chấp thuận hoặc không chấp thuận việc xin giải thể của Hợp tác xã;

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo chấp thuận của Ủy ban Nhân dân cấp huyện, Hợp tác xã Nông nghiệp tiến hành công việc giải thể, thanh toán chi phí giải thể, trả vốn góp và chi trả các khoản khác cho các xã viên theo Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp;

2. Giải thể bắt buộc: Ủy ban Nhân dân cấp huyện có quyền quyết định buộc giải thể đối với Hợp tác xã Nông nghiệp khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Sau thời hạn mười hai tháng, kể từ ngày được cấp giấy đăng ký kinh doanh mà Hợp tác xã Nông nghiệp không hoạt động;

b) Hợp tác xã Nông nghiệp ngừng hoạt động trong mười hai tháng liên;

c) Trong thời hạn sáu tháng liên, Hợp tác xã Nông nghiệp không còn đủ số lượng xã viên tối thiểu là 7 người;

d) Trong thời hạn mười tám tháng liên, Hợp tác xã Nông nghiệp không tổ chức được Đại hội xã viên thường kỳ mà không có lý do chính đáng;

3. Ủy ban Nhân dân cấp huyện ra quyết định giải thể bắt buộc, lập Hội đồng giải thể và chỉ định Chủ tịch Hội đồng để tổ chức việc giải thể Hợp tác xã Nông nghiệp.

Hội đồng giải thể Hợp tác xã Nông nghiệp phải đăng báo địa phương nơi Hợp tác xã Nông nghiệp này hoạt động ba số báo liên tiếp về quyết định giải thể Hợp tác xã Nông nghiệp, thông báo trình tự, thủ tục, thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng, thanh lý tài sản, trả vốn góp của xã viên và giải quyết các quyền lợi khác có liên quan, thời hạn tối đa là một trăm tám mươi ngày kể từ ngày đăng báo lần thứ nhất;

4. Kể từ ngày nhận được thông báo giải thể, Hợp tác xã Nông nghiệp phải nộp ngay con dấu, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các sổ sách, chứng từ có liên quan tới hoạt động của Hợp tác xã Nông nghiệp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo thông báo giải thể;

5. Nếu không đồng ý với quyết định của Ủy ban Nhân dân cấp huyện về việc giải thể, Hợp tác xã Nông nghiệp có quyền khiếu nại, khởi kiện đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Điều 10.-** Tuyên bố phá sản đối với Hợp tác xã Nông nghiệp:

Việc tuyên bố phá sản Hợp tác xã Nông nghiệp được thực hiện theo pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

## Chương II

### TÊN, BIỂU TƯỢNG, TRỤ SỞ VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

**Điều 11.-** Tên, biểu tượng và trụ sở Hợp tác xã Nông nghiệp:

Hợp tác xã Nông nghiệp tự chọn tên, tên giao dịch, biểu tượng và địa chỉ trụ sở chính của Hợp tác xã;

Tên, biểu tượng, trụ sở của Hợp tác xã Nông nghiệp phải đăng ký tại Ủy ban Nhân dân cấp huyện, nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**Điều 12.-** Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Hợp tác xã Nông nghiệp có thể có những hoạt động sau đây:

1. Làm dịch vụ hỗ trợ cho kinh tế hộ và phục vụ đời sống cho xã viên:

- Cung ứng vật tư, giống cây trồng, vật nuôi;
- Tưới, tiêu nước;
- Phòng trừ sâu bệnh cây trồng và dịch bệnh đối với vật nuôi;
- Thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm;
- Các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống của xã viên;

2. Tổ chức công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư trong Hợp tác xã;

3. Sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;



4. Sản xuất công nghiệp, trước hết là công nghiệp chế biến nông, lâm sản;

5. Hoạt động vận tải, xây dựng, thương mại theo các quy định của pháp luật về kinh doanh trong các lĩnh vực này.

### Chương III

#### XÃ VIÊN

**Điều 13.- Điều kiện trở thành xã viên:**

1. Tất cả nông dân và những người lao động khác từ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, tán thành Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hợp tác xã, có góp vốn, góp sức thì đều có thể trở thành xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp;

2. Một người có thể là xã viên của nhiều Hợp tác xã khác, không giới hạn phạm vi địa giới hành chính, nếu Điều lệ của từng Hợp tác xã Nông nghiệp không quy định khác;

3. Hộ gia đình có nguyện vọng tham gia Hợp tác xã Nông nghiệp thì phải cử người đại diện cho hộ có đủ tiêu chuẩn xã viên, làm đơn xin gia nhập Hợp tác xã Nông nghiệp. Người đại diện cho hộ xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp có quyền và nghĩa vụ như một xã viên khác.

**Điều 14.- Xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp có các quyền sau đây:**

1. Được ưu tiên làm việc cho Hợp tác xã và được trả công theo thỏa thuận giữa Hợp tác xã và xã viên;

2. Hưởng lãi chia theo mức độ sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã, theo vốn góp, theo công sức đóng góp của xã viên;

3. Được Hợp tác xã Nông nghiệp cung cấp thông tin kinh tế - kỹ thuật cần thiết, tham dự các lớp tập huấn về nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật, kỹ năng lao động do Hợp tác xã Nông nghiệp hoặc đơn vị khác tổ chức;

4. Hưởng thụ các phúc lợi xã hội chung của Hợp tác xã, được Hợp tác xã Nông nghiệp thực hiện cam kết kinh tế, tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

5. Được khen thưởng khi có nhiều đóng góp trong việc xây dựng và phát triển Hợp tác xã;

6. Dự Đại hội xã viên hoặc Đại hội đại biểu xã viên và các cuộc họp xã viên để thảo luận, biểu quyết các công việc của Hợp tác xã;

7. Ứng cử, bầu cử vào Ban Quản trị, Chủ nhiệm, Ban Kiểm soát và những chức danh được bầu khác của Hợp tác xã;

8. Đề đạt ý kiến với Ban Quản trị, Chủ nhiệm, Ban Kiểm soát của Hợp tác xã và yêu cầu phải được trả lời; được yêu cầu Ban Quản trị, Chủ nhiệm, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội xã viên bất thường;

9. Chuyển vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho xã viên khác hoặc người có đủ điều kiện trở thành xã viên theo quy định của Điều lệ từng Hợp tác xã Nông nghiệp;

10. Xin ra Hợp tác xã, nhưng phải có đơn gửi cho Ban Quản trị để Ban Quản trị xem xét giải quyết và báo cáo Đại hội xã viên;

11. Được trả lại vốn góp theo Điều 31 của Điều lệ này và các quyền lợi khác khi ra Hợp tác xã; trong trường hợp xã viên chết, vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ khác của xã viên được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

**Điều 15.- Xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp có các nghĩa vụ sau đây:**

1. Chấp hành Điều lệ, Nội quy của Hợp tác xã Nông nghiệp, các nghị quyết của Đại hội xã viên và quyết định của Ban Quản trị Hợp tác xã;

2. Góp vốn theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã;

3. Hợp tác giữa các xã viên với nhau, học tập nâng cao trình độ, góp phần thúc đẩy Hợp tác xã phát triển;

4. Thực hiện các cam kết kinh tế với Hợp tác xã, tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

5. Trong phạm vi vốn góp của mình, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ, rủi ro, thiệt hại, các khoản lỗ của Hợp tác xã;

6. Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho Hợp tác xã theo Điều lệ của từng Hợp tác xã Nông nghiệp.



**Điều 16.- Chấm dứt tư cách xã viên:**

1. Tư cách xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp chấm dứt khi có một trong những trường hợp sau đây:

- a) Xã viên chết;
- b) Xã viên mất năng lực hành vi dân sự;
- c) Xã viên được ra Hợp tác xã theo quy định của Điều lệ từng Hợp tác xã Nông nghiệp;
- d) Xã viên đã chuyển hết vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ xã viên cho người khác theo quy định Khoản 9 Điều 14 Điều lệ mẫu Hợp tác xã Nông nghiệp;
- đ) Xã viên bị khai trừ;
- e) Những trường hợp xã viên di chuyển đi nơi khác hoặc chuyển sang làm ngành nghề khác mà không tham gia hoạt động trong Hợp tác xã từ 1 năm trở lên;

2. Việc giải quyết quyền lợi đối với những xã viên chấm dứt tư cách được áp dụng theo Điều 31 của Điều lệ mẫu Hợp tác xã Nông nghiệp.

**Chương IV****TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP****Điều 17.- Đại hội xã viên:**

- 1. Đại hội xã viên có quyền quyết định cao nhất trong Hợp tác xã;
- 2. Đại hội đại biểu xã viên: Hợp tác xã Nông nghiệp có 100 xã viên trở lên thì có thể tổ chức Đại hội đại biểu xã viên; số lượng đại biểu do Điều lệ của từng Hợp tác xã Nông nghiệp quy định và do các đội, tổ trong Hợp tác xã trực tiếp bầu ra;
- 3. Nhiệm kỳ của đại biểu Đại hội xã viên do Điều lệ của từng Hợp tác xã Nông nghiệp quy định;
- 4. Đại hội đại biểu xã viên và Đại hội toàn thể xã viên (gọi chung là Đại hội xã viên) có nhiệm vụ và quyền hạn như nhau.

**Điều 18.-** Đại hội xã viên thảo luận và quyết định những vấn đề sau đây:

- 1. Báo cáo kết quả hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh trong năm của Hợp tác xã, báo cáo hoạt động của Ban Quản trị, Ban Kiểm soát;
- 2. Báo cáo công khai tài chính, phân phối thu nhập và xử lý các khoản lỗ;
- 3. Phương hướng, kế hoạch hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh và huy động vốn cho năm sau;
- 4. Tăng, giảm vốn điều lệ, trích lập các quỹ Hợp tác xã;
- 5. Bầu và bãi miễn Chủ nhiệm Hợp tác xã, bầu và bầu bổ sung hoặc bãi miễn các thành viên khác của Ban Quản trị và Ban Kiểm soát;
- 6. Thông qua việc kết nạp xã viên mới, cho xã viên ra Hợp tác xã, quyết định khai trừ xã viên; quyết định về giải quyết các khiếu nại, tố cáo của xã viên có liên quan đến công việc của Hợp tác xã;
- 7. Chế độ tiền công trong Hợp tác xã;
- 8. Sửa đổi Điều lệ và Nội quy của Hợp tác xã;
- 9. Hợp nhất, chia tách, giải thể Hợp tác xã Nông nghiệp và tham gia Liên hiệp Hợp tác xã, Liên minh Hợp tác xã;
- 10. Khen thưởng và xử lý vi phạm trong Hợp tác xã;
- 11. Giải quyết vấn đề khác do Ban Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc do 1/3 (một phần ba) tổng số xã viên đề nghị.

**Điều 19.-** Quy định về số lượng đại biểu và biểu quyết trong Đại hội xã viên:

- 1. Đại hội xã viên phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số xã viên hoặc đại biểu xã viên tham dự. Nếu không đủ số lượng quy định trên thì phải hoãn Đại hội. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoãn Đại hội, Ban Quản trị hoặc Ban Kiểm soát phải triệu tập lại Đại hội;
- 2. Quyết định sửa đổi Điều lệ, hợp nhất, chia tách, giải thể Hợp tác xã Nông nghiệp được thông qua khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số xã viên hoặc đại biểu xã viên có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành và quyết định vấn đề khác được thông qua khi có 1/2 tổng số đại biểu có mặt;
- 3. Việc biểu quyết tại Đại hội xã viên và các nghị quyết khác của Hợp tác xã Nông nghiệp không phụ thuộc vào số vốn góp hoặc chức vụ của



xã viên trong Hợp tác xã. Mỗi xã viên hay đại biểu xã viên chỉ có một phiếu biểu quyết.

**Điều 20.- Triệu tập Đại hội xã viên:**

1. Đại hội xã viên thường kỳ họp một năm một lần, do Ban Quản trị triệu tập trong vòng 3 tháng kể từ ngày khóa sổ quyết toán năm. Ban Quản trị thông báo tới từng xã viên hoặc đại biểu xã viên trước 10 ngày về thời gian họp và chương trình nghị sự của Đại hội;

2. Đại hội xã viên bất thường do Ban Quản trị hoặc Ban Kiểm soát của Hợp tác xã Nông nghiệp triệu tập để quyết định những vấn đề cần thiết vượt quá quyền hạn của Ban Quản trị hoặc của Ban Kiểm soát;

Trong trường hợp có ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số xã viên có đơn yêu cầu triệu tập Đại hội xã viên gửi lên Ban Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ đơn, Ban Quản trị phải triệu tập Đại hội xã viên; nếu quá thời hạn này mà Ban Quản trị không triệu tập Đại hội xã viên thì Ban Kiểm soát phải triệu tập Đại hội xã viên bất thường;

3. Đại hội xã viên chỉ thảo luận và quyết định những vấn đề đã ghi trong chương trình Đại hội và những vấn đề phát sinh khi có ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số xã viên hoặc đại biểu xã viên có mặt tại Đại hội đề nghị.

**Điều 21.- Ban Quản trị:**

1. Ban Quản trị chịu trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Hợp tác xã, do Đại hội xã viên bầu trực tiếp gồm Chủ nhiệm và các thành viên khác. Số lượng thành viên Ban Quản trị do Điều lệ từng Hợp tác xã Nông nghiệp quy định. Hợp tác xã Nông nghiệp có dưới 15 xã viên có thể chỉ bầu Chủ nhiệm để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản trị;

2. Nhiệm kỳ của Ban Quản trị do Điều lệ của từng Hợp tác xã quy định nhưng tối thiểu là 2 năm và tối đa không quá 5 năm;

3. Ban Quản trị họp ít nhất mỗi tháng một lần. Các cuộc họp của Ban Quản trị do Chủ nhiệm hoặc người được Chủ nhiệm ủy quyền triệu tập, chủ trì và phải có 2/3 (hai phần ba) số thành viên tham gia mới được coi là hợp lệ;

Ban Quản trị Hợp tác xã hoạt động theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số. Trong trường hợp biểu quyết mà có số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau, thì số phiếu biểu quyết của bên có người chủ trì cuộc họp là quyết định.

**Điều 22.- Tiêu chuẩn thành viên Ban Quản trị:**

Thành viên Ban Quản trị phải là xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp, có phẩm chất đạo đức, có trình độ, năng lực quản lý Hợp tác xã Nông nghiệp, được xã viên tín nhiệm.

Thành viên Ban Quản trị không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, kế toán trưởng, thủ quỹ của Hợp tác xã Nông nghiệp; khi trong gia đình có người là thành viên Ban Quản trị thì các thành viên khác trong gia đình (cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột) không được tham gia Ban Kiểm soát, làm kế toán trưởng hoặc thủ quỹ trong cùng một Hợp tác xã.

**Điều 23.- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản trị:**

1. Ban Quản trị Hợp tác xã Nông nghiệp có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện nghị quyết của Đại hội xã viên;

b) Bầu Phó Chủ nhiệm, chọn cử kế toán trưởng, quyết định cơ cấu tổ chức các bộ phận nghiệp vụ chuyên môn, các đội, tổ sản xuất, dịch vụ của Hợp tác xã Nông nghiệp;

c) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh, và thỏa thuận với xã viên về giá dịch vụ trong Hợp tác xã Nông nghiệp, huy động vốn của Hợp tác xã, báo cáo hoạt động của Ban Quản trị trình Đại hội xã viên;

d) Chuẩn bị chương trình nghị sự của Đại hội xã viên, triệu tập Đại hội xã viên thường kỳ hay bất thường và phân công chủ trì Đại hội xã viên;

đ) Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các công tác khác của Hợp tác xã Nông nghiệp; đánh giá kết quả dịch vụ, sản xuất, kinh doanh của Hợp tác xã và chuẩn bị báo cáo quyết toán tài chính để trình Đại hội xã viên;

e) Xét kết nạp xã viên mới và giải quyết việc xã viên ra Hợp tác xã Nông nghiệp và báo cáo để Đại hội xã viên thông qua;



g) Thuê lao động và thuê cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ chuyên môn theo nhu cầu của Hợp tác xã Nông nghiệp.

2. Ban Quản trị Hợp tác xã Nông nghiệp chịu trách nhiệm trước Đại hội xã viên và trước pháp luật về các quyết định của mình.

**Điều 24.-** Chủ nhiệm Hợp tác xã Nông nghiệp:

1. Chủ nhiệm Hợp tác xã có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Đại diện Hợp tác xã trước pháp luật;  
b) Tổ chức thực hiện kế hoạch và điều hành mọi hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh của Hợp tác xã;

c) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Quản trị; tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội xã viên và các quyết định của Ban Quản trị;

d) Tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hợp tác xã quy định tại các Điều 4 và 5 của Điều lệ mẫu này.

2. Chủ nhiệm Hợp tác xã Nông nghiệp chịu trách nhiệm trước Đại hội xã viên và Ban Quản trị về công việc được giao.

Khi vắng mặt, Chủ nhiệm phải ủy quyền cho Phó Chủ nhiệm hoặc một thành viên Ban Quản trị điều hành công việc của Hợp tác xã.

3. Chức danh Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã do Điều lệ của từng Hợp tác xã Nông nghiệp quy định.

**Điều 25.-** Ban Kiểm soát:

1. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát và kiểm tra mọi hoạt động của Hợp tác xã theo Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp và theo đúng pháp luật;

2. Ban Kiểm soát do Đại hội xã viên bầu trực tiếp. Hợp tác xã Nông nghiệp có dưới 15 xã viên có thể chỉ bầu một kiểm soát viên.

Ban Kiểm soát bầu một Trưởng ban để điều hành công việc của Ban;

3. Tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát được áp dụng như tiêu chuẩn thành viên Ban Quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Quản trị, kế toán trưởng, thủ quỹ của Hợp tác xã Nông nghiệp; khi trong gia đình có người là thành viên Ban Kiểm soát thì các thành viên khác trong gia đình (cha, mẹ, vợ,

chồng, con hoặc anh, chị, em ruột) không được tham gia Ban Quản trị, làm kế toán trưởng hoặc thủ quỹ trong cùng một Hợp tác xã;

4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Quản trị.

**Điều 26.-** Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ, Nội quy Hợp tác xã và nghị quyết Đại hội xã viên;

2. Giám sát hoạt động của Ban Quản trị, Chủ nhiệm Hợp tác xã và xã viên theo đúng pháp luật, Điều lệ, Nội quy Hợp tác xã;

3. Kiểm tra về tài chính, kế toán, phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ, sử dụng các quỹ của Hợp tác xã và sử dụng tài sản, vốn vay và các khoản hỗ trợ của Nhà nước;

4. Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến công việc của Hợp tác xã;

5. Dự các cuộc họp của Ban Quản trị;

6. Thông báo kết quả kiểm tra cho Ban Quản trị và báo cáo trước Đại hội xã viên; kiến nghị với Ban Quản trị, Chủ nhiệm hợp tác xã về biện pháp khắc phục những yếu kém trong hoạt động kinh tế của Hợp tác xã; giải quyết những vi phạm Điều lệ, Nội quy Hợp tác xã Nông nghiệp;

7. Yêu cầu những người có liên quan trong Hợp tác xã cung cấp tài liệu, sổ sách, chứng từ và thông tin cần thiết để phục vụ công tác kiểm tra, nhưng không được sử dụng tài liệu, thông tin đó vào mục đích khác;

8. Triệu tập Đại hội xã viên bất thường khi có các trường hợp sau đây:

a) Ban Quản trị không thực hiện hoặc thực hiện không có kết quả các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ, Nội quy và nghị quyết Đại hội xã viên trong Hợp tác xã;

b) Ban Quản trị không triệu tập Đại hội xã viên bất thường sau 15 ngày khi có 1/3 (một phần ba) xã viên yêu cầu triệu tập Đại hội.

**Điều 27.-** Các đội, tổ và các bộ phận nghiệp vụ chuyên môn trong Hợp tác xã Nông nghiệp:

1. Tùy theo hình thức và quy mô dịch vụ, sản xuất, kinh doanh, Hợp tác xã Nông nghiệp có thể



tổ chức các bộ phận hoặc cán bộ chuyên trách nghiệp vụ chuyên môn; các đội, tổ dịch vụ, sản xuất, kinh doanh; đội, tổ tiếp nhận dịch vụ;

2. Trưởng bộ phận hoặc cán bộ chuyên trách nghiệp vụ chuyên môn, đội, tổ dịch vụ do Ban Quản trị Hợp tác xã Nông nghiệp bổ nhiệm;

3. Đội, tổ trưởng xã viên tiếp nhận dịch vụ và đội, tổ trưởng xã viên sản xuất, kinh doanh do xã viên trong đội, tổ bầu dưới sự chỉ đạo của Ban Quản trị và Chủ nhiệm Hợp tác xã;

4. Nhiệm vụ của các đội, tổ, các bộ phận hoặc cán bộ chuyên trách do Điều lệ từng Hợp tác xã Nông nghiệp quy định.

**Điều 28.-** Tổ chức Đảng và đoàn thể trong Hợp tác xã:

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Hợp tác xã hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức Công đoàn, Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội khác và tổ chức dân quân tự vệ trong Hợp tác xã hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức này.

## Chương V

### TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

**Điều 29.-** Vốn hoạt động của Hợp tác xã Nông nghiệp bao gồm:

1. Vốn góp của xã viên;
2. Vốn được tích lũy của Hợp tác xã;
3. Vốn vay ngân hàng;
4. Vốn vay của xã viên và các tổ chức, cá nhân khác theo thỏa thuận;
5. Vốn công trợ của Nhà nước và tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước.

**Điều 30.-** Vốn điều lệ của Hợp tác xã Nông nghiệp:

Vốn điều lệ của Hợp tác xã do xã viên góp theo quy định của từng Hợp tác xã Nông nghiệp và

được ghi trong Điều lệ của Hợp tác xã Nông nghiệp khi xin giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với Hợp tác xã Nông nghiệp kinh doanh ngành, nghề theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định thì vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định tương ứng cho ngành, nghề đó.

**Điều 31.-** Vốn góp của xã viên:

1. Khi gia nhập Hợp tác xã Nông nghiệp, xã viên phải góp vốn tối thiểu theo quy định của Điều lệ từng Hợp tác xã Nông nghiệp, vốn góp của mỗi xã viên có thể nhiều hơn mức tối thiểu, nhưng ở mọi thời điểm không vượt quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số vốn điều lệ của Hợp tác xã Nông nghiệp;

2. Xã viên có thể góp vốn bằng tiền, bằng tài sản, bằng công lao động quy thành tiền theo thời giá tại địa phương do Đại hội xã viên quy định;

3. Xã viên có thể góp vốn đủ một lần hoặc nhiều lần, nhưng lần đầu phải góp tối thiểu 50% mức vốn quy định; số còn lại góp trong thời hạn không quá 12 tháng;

Đối với Hợp tác xã Nông nghiệp có kinh doanh ngành nghề theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định thì tổng số vốn góp lần đầu của xã viên không được thấp hơn mức vốn pháp định tương ứng cho ngành nghề đó.

4. Vốn góp của xã viên được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội xã viên.

**Điều 32.-** Trả lại vốn góp:

1. Xã viên được trả lại vốn góp trong các trường hợp sau:

- a) Xã viên chết;
- b) Xã viên được chấp nhận ra khỏi Hợp tác xã;
- c) Xã viên bị Đại hội xã viên khai trừ khỏi Hợp tác xã;

2. Việc trả lại vốn góp của xã viên căn cứ vào thực trạng tài chính của Hợp tác xã Nông nghiệp tại thời điểm trả lại vốn, sau khi Hợp tác xã Nông nghiệp đã quyết toán năm và đã giải quyết xong các quyền lợi, nghĩa vụ về kinh tế của xã viên đối với Hợp tác xã;



3. Việc trả vốn góp có thể bằng tiền hoặc hiện vật do Ban Quản trị và xã viên thỏa thuận phù hợp với điều kiện cụ thể của từng Hợp tác xã Nông nghiệp, nhưng thời hạn không quá 12 tháng. Trong trường hợp xã viên chết, việc trả lại vốn góp được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế;

4. Không được trích các quỹ của Hợp tác xã Nông nghiệp được hình thành từ nguồn vốn công trợ và quỹ bảo hiểm rủi ro để trả lại vốn góp cho xã viên trong các trường hợp ghi tại Khoản 1 của Điều này.

**Điều 33.-** Quỹ của Hợp tác xã Nông nghiệp gồm:

1. Quỹ phát triển sản xuất để tăng vốn mở rộng hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh, đổi mới thiết bị, kỹ thuật và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ v.v...;

2. Quỹ dự phòng để bù đắp vốn, quỹ bị hao hụt do thiên tai, rủi ro.

Ngoài ra, tùy mức độ phát triển, Đại hội xã viên có thể quyết định lập thêm quỹ khác.

**Điều 34.-** Tài sản của Hợp tác xã Nông nghiệp:

1. Tài sản của Hợp tác xã là tài sản thuộc sở hữu của Hợp tác xã được hình thành từ vốn hoạt động của Hợp tác xã Nông nghiệp;

2. Việc quản lý, sử dụng các tài sản của Hợp tác xã được thực hiện theo quy định của Điều lệ và Nội quy của từng Hợp tác xã Nông nghiệp và các quy định của pháp luật. Trong mọi trường hợp không được chia cho xã viên số vốn do Nhà nước trợ cấp, công trình công cộng, kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho cộng đồng dân cư.

**Điều 35.-** Xử lý tài sản và vốn của Hợp tác xã Nông nghiệp khi giải thể:

Khi giải thể, Hợp tác xã Nông nghiệp phải chuyển giao cho chính quyền địa phương các tài sản không được chia, theo quy định tại Khoản 2 Điều 34 của Điều lệ mẫu này, để quản lý sử dụng chung cho cộng đồng dân cư;

Đất đai do Nhà nước giao quyền sử dụng cho Hợp tác xã Nông nghiệp, được xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai;

Sau khi thanh toán hết các khoản nợ của Hợp tác xã Nông nghiệp và các chi phí cho việc giải thể, số vốn, quỹ, tài sản còn lại được chia cho xã viên theo mức vốn đóng góp cho Hợp tác xã Nông nghiệp.

**Điều 36.-** Tiền công trong Hợp tác xã Nông nghiệp:

1. Tiền công của các thành viên Ban Quản trị, Ban Kiểm soát do Đại hội xã viên quy định, dựa vào kết quả tài chính của Hợp tác xã, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh. Trường hợp Hợp tác xã bị lỗ, Đại hội xã viên sẽ quyết định mức tiền công và nguồn để chi trả;

2. Tiền công của đội trưởng, tổ trưởng, nhân viên quản lý, kỹ thuật do Ban Quản trị quyết định căn cứ theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao;

3. Tiền công của các loại lao động khác theo thỏa thuận của Ban Quản trị Hợp tác xã Nông nghiệp với người lao động và do Đại hội xã viên quyết định.

**Điều 37.-** Phân phối lãi hàng năm:

Sau khi quyết toán năm tài chính, lãi hàng năm được phân phối như sau:

1. Bù đắp các khoản lỗ của năm trước chuyển sang (nếu có);

2. Trích lập các quỹ của Hợp tác xã;

3. Chia cho xã viên theo mức độ sử dụng các dịch vụ của Hợp tác xã trong năm;

4. Phần còn lại chia theo mức vốn góp của xã viên.

Tỷ lệ phân phối lãi hàng năm và trích lập các loại quỹ của Hợp tác xã Nông nghiệp do Đại hội xã viên quyết định.

**Điều 38.-** Xử lý lỗ hàng năm:

Lỗ hàng năm của Hợp tác xã Nông nghiệp do nguyên nhân khách quan gây ra như thiên tai, biến động giá thị trường v.v... được lấy lãi của kỳ quyết toán sau để bù, được trích quỹ của Hợp tác xã và vốn góp của xã viên để bù theo quyết định của Đại hội xã viên. Nếu lỗ do nguyên nhân chủ quan, thì tùy theo mức độ thiệt hại, cá nhân gây



ra phải bồi thường theo quyết định của Đại hội xã viên.

### Chương VI

## KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

### Điều 39.- Khen thưởng:

Cán bộ, xã viên và những người lao động khác làm việc trong Hợp tác xã Nông nghiệp có nhiều thành tích xây dựng Hợp tác xã thì được khen thưởng về vật chất và tinh thần.

Hình thức và mức khen thưởng do Ban Quản trị quyết định hoặc Ban Quản trị đề xuất để Đại hội xã viên quyết định.

### Điều 40.- Xử lý vi phạm:

Cán bộ, xã viên và những người lao động khác làm việc trong Hợp tác xã Nông nghiệp không thực hiện đúng Điều lệ, nghị quyết Đại hội xã viên hoặc xâm phạm tài sản của Hợp tác xã thì tùy mức độ vi phạm phải chịu kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, hạ cấp bậc hoặc bãi miễn chức vụ đến khai trừ ra khỏi Hợp tác xã, buộc thôi việc đối với người làm thuê cho Hợp tác xã. Người tham ô, lợi dụng tài sản chung, người làm hư hỏng, mất mát tài sản của Hợp tác xã Nông nghiệp phải bồi thường.

Ban Quản trị có quyền thi hành kỷ luật ở các mức khiển trách, cảnh cáo, hạ cấp bậc, cách chức tổ, đội trưởng và cán bộ giúp việc, buộc thôi việc đối với người làm thuê cho Hợp tác xã, buộc người tham ô, người làm hư hỏng, mất mát tài sản của Hợp tác xã phải bồi thường.

Đại hội xã viên có quyền thi hành các mức kỷ luật bãi miễn thành viên Ban Quản trị, Ban Kiểm soát, khai trừ xã viên ra khỏi Hợp tác xã Nông nghiệp và đề nghị truy tố trước pháp luật.

### Chương VII

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41.- Xây dựng, sửa đổi Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp:

Căn cứ vào Luật Hợp tác xã và Điều lệ mẫu Hợp tác xã Nông nghiệp, các Hợp tác xã Nông nghiệp xây dựng Điều lệ cụ thể của Hợp tác xã mình.

Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ của từng Hợp tác xã Nông nghiệp phải thông qua Đại hội xã viên và phải được cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chấp thuận.

Điều lệ Hợp tác xã Nông nghiệp có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hợp tác xã Nông nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

T.M. Chính phủ  
K.T. Thủ tướng  
Phó Thủ tướng  
PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 44-CP  
ngày 29-4-1997 ban hành Điều lệ  
mẫu Hợp tác xã Công nghiệp và  
xây dựng.**

### CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 3 năm 1996;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp,

### NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Ban hành kèm theo Nghị định này bản Điều lệ mẫu Hợp tác xã Công nghiệp và xây dựng.

Điều 2. - Bộ trưởng Bộ Công nghiệp chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ này.

Điều 3. - Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam trong phạm